

KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN THCS, THPT NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày tháng 5 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	THCS.001	01	Nguyễn Thị Ngọc Châm	13/3/1993	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
2	THCS.002	01	Nguyễn Thị Đông	18/3/1995	Môn Vật lý	UBND huyện Thanh Ba		76.0		76.0	Trúng tuyển	
3	THCS.003	01	Nguyễn Anh Đức	19/10/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Thanh Ba					Không trúng tuyển	Vắng
4	THCS.004	01	Đào Thùy Dung	24/1/1996	Môn Vật lý	UBND huyện Thanh Ba		78.0		78.0	Trúng tuyển	
5	THCS.005	01	Nguyễn Thị Thu Hà	08/09/1987	Môn Vật lý	UBND huyện Thanh Ba		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
6	THCS.006	01	Bùi Thu Hằng	10/11/1988	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba	Dân tộc thiểu số	61.0	5.0	66.0	Không trúng tuyển	
7	THCS.007	01	Thái Thị Hồng Hạnh	12/02/1987	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba	Con người nhiễm CDHH				Không trúng tuyển	Vắng
8	THCS.008	01	Nguyễn Thị Hạnh	16/01/1991	Môn Vật lý	UBND huyện Thanh Ba		70.0		70.0	Không trúng tuyển	
9	THCS.009	01	Đặng Thị Hậu	25/2/1996	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		87.5		87.5	Không trúng tuyển	
10	THCS.010	01	Đỗ Thị Hiền	14/10/1988	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
11	THCS.011	01	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/5/1998	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Thanh Ba					Không trúng tuyển	Vắng
12	THCS.012	01	Hà Thu Hiền	16/10/2001	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		90.0		90.0	Không trúng tuyển	
13	THCS.013	01	Trần Thị Hiền	17/11/1990	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
14	THCS.014	01	Nghiêm Xuân Hiệp	07/05/1993	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		69.0		69.0	Không trúng tuyển	
15	THCS.015	01	Đinh Thị Hồng Hiệp	02/04/1993	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
16	THCS.016	01	Hà Thu Hoài	10/03/1989	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Thanh Ba	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
17	THCS.017	01	Đinh Thị Huệ	13/1/1994	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba	Dân tộc thiểu số	60.0	5.0	65.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
18	THCS.018	01	Hoàng Lan Hương	02/09/1999	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Ba					Không trúng tuyển	Vắng
19	THCS.019	01	Lê Thị Lan Hương	08/06/1995	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		84.0		84.0	Không trúng tuyển	
20	THCS.020	01	Đỗ Thị Hường	17/7/1988	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		51.0		51.0	Không trúng tuyển	
21	THCS.021	01	Đỗ Thị Thanh Huyền	20/7/1989	Môn Ngữ văn	UBND huyện Thanh Ba		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
22	THCS.022	01	Nguyễn Duy Khánh	02/04/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Ba		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
23	THCS.023	01	Nguyễn Ngọc Khánh	12/09/1996	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Thanh Ba		61.0		61.0	Không trúng tuyển	
24	THCS.024	01	Hà Thị Lệ	12/08/1996	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba	Dân tộc thiểu số	85.0	5.0	90.0	Trúng tuyển	
25	THCS.025	01	Nguyễn Thị Quý Linh	01/11/1993	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba					Không trúng tuyển	Vắng
26	THCS.026	01	Hoàng Thị Mỹ Linh	21/10/1994	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Ba		86.5		86.5	Trúng tuyển	
27	THCS.027	01	Đinh Khánh Linh	27/7/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Thanh Ba		90.0		90.0	Trúng tuyển	
28	THCS.028	01	Nguyễn Quang Linh	20/11/1999	Môn Tin học	UBND huyện Thanh Ba		63.5		63.5	Trúng tuyển	
29	THCS.029	01	Nguyễn Thùy Linh	05/04/2002	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		90.0		90.0	Không trúng tuyển	
30	THCS.030	01	Ngô Thị Thùy Linh	28/3/1996	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
31	THCS.031	01	Phạm Hồng Linh	10/03/2002	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba					Không trúng tuyển	Vắng
32	THCS.032	01	Trần Lê Khánh Ly	22/5/2002	Môn Ngữ văn	UBND huyện Thanh Ba		67.5		67.5	Không trúng tuyển	
33	THCS.033	01	Nguyễn Thảo Ly	02/01/2000	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Thanh Ba		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
34	THCS.034	01	Đinh Giang Ly	17/2/2000	Môn Tin học	UBND huyện Thanh Ba	Dân tộc thiểu số	70.0	5.0	75.0	Trúng tuyển	
35	THCS.035	01	Nguyễn Ngọc Hà Mi	04/03/1995	Môn Ngoại ngữ	UBND Huyện Thanh Ba		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
36	THCS.036	01	Đỗ Thành Nam	16/5/2002	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		60.0		60.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
37	THCS.037	01	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	20/12/1996	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		95.0		95.0	Trúng tuyển	
38	THCS.038	01	Nguyễn Thị Kim Ngân	18/2/2001	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Ba		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
39	THCS.039	01	Nguyễn Thị Minh Phương	06/11/1994	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba					Không trúng tuyển	Vắng
40	THCS.040	01	Vũ Thị Thu Phương	26/01/2001	Môn Ngữ văn	UBND huyện Thanh Ba		91.5		91.5	Trúng tuyển	
41	THCS.041	01	Nguyễn Thị Bích Phương	26/9/1992	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		93.5		93.5	Trúng tuyển	
42	THCS.042	01	Khổng Thị Hồng Tâm	19/10/1993	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
43	THCS.043	01	Vũ Thị Thu Thảo	24/11/1993	Môn Lịch sử	UBND Huyện Thanh Ba		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
44	THCS.044	01	Vũ Thị Thu	14/8/1991	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		84.0		84.0	Không trúng tuyển	
45	THCS.045	01	Vi Thị Thúy	24/6/1993	Môn Lịch sử	UBND huyện Thanh Ba		66.5		66.5	Không trúng tuyển	
46	THCS.046	01	Nguyễn Thị Kim Tiến	01/11/1990	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		94.0		94.0	Trúng tuyển	
47	THCS.047	01	Đặng Huyền Trang	25/01/2001	Môn Toán	UBND huyện Thanh Ba		86.0		86.0	Không trúng tuyển	
48	THCS.048	02	Nguyễn Thị Hồng An	22/10/1994	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		58.0		58.0	Không trúng tuyển	
49	THCS.049	02	Nguyễn Bình An	19/10/1990	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
50	THCS.050	02	Tạ Thị Bích	25/10/1997	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
51	THCS.051	02	Lê Thị Ngọc Bích	16/12/2001	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		90.0		90.0	Trúng tuyển	
52	THCS.052	02	Nguyễn Văn Chính	20/5/1990	Môn Vật lý	UBND huyện Tân Sơn		52.0		52.0	Không trúng tuyển	
53	THCS.053	02	Hà Văn Cửu	29/12/1994	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	77.5	5.0	82.5	Không trúng tuyển	
54	THCS.054	02	Hà Thanh Dân	01/06/1998	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
55	THCS.055	02	Nguyễn Nhật Đăng	28/5/2000	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		51.0		51.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
56	THCS.056	02	Ngô Văn Dương	21/1/1991	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		51.0		51.0	Không trúng tuyển	
57	THCS.057	02	Phùng Kim Duyên	07/07/1991	Môn Ngữ văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
58	THCS.058	02	Đinh Thị Giang	24/7/1989	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
59	THCS.059	02	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20/4/1990	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	80.0	5.0	85.0	Không trúng tuyển	
60	THCS.060	02	Trần Thị Thu Hà	19/2/1996	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn		92.0		92.0	Trúng tuyển	
61	THCS.061	02	Đặng Thị Hải	10/05/1992	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		70.0		70.0	Không trúng tuyển	
62	THCS.062	02	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/01/1990	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	52.0	5.0	57.0	Không trúng tuyển	
63	THCS.063	02	Trần Thị Hằng	09/06/1989	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Con thương binh				Không trúng tuyển	Vắng
64	THCS.064	02	Tổng Thị Hằng	20/9/1988	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
65	THCS.065	02	Nguyễn Nguyệt Hằng	01/09/1989	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		52.0		52.0	Không trúng tuyển	
66	THCS.066	02	Nguyễn Thị Thúy Hằng	23/12/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
67	THCS.067	02	Mai Thị Mỹ Hạnh	25/8/2001	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Tân Sơn		92.0		92.0	Trúng tuyển	
68	THCS.068	02	Nguyễn Thị Hiền	03/10/1994	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
69	THCS.069	02	Trần Thị Hòa	20/10/1992	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		86.0		86.0	Trúng tuyển	
70	THCS.070	02	Phan Thị Hoan	23/08/1995	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
71	THCS.071	02	Trần Quang Hoàn	01/08/1990	Môn Vật lý	UBND huyện Tân Sơn		60.0		60.0	Trúng tuyển	
72	THCS.072	02	Đỗ Hữu Hoàng	11/10/2001	Môn Vật lý	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
73	THCS.073	02	Nguyễn Thị Hồng	06/02/1995	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		63.0		63.0	Không trúng tuyển	
74	THCS.074	02	Đinh Thị Ánh Hồng	30/11/2002	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		91.0		91.0	Trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
75	THCS.075	02	Dương Thị Minh Huệ	22/2/1991	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
76	THCS.076	02	Đỗ Thị Hương	01/05/1993	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		86.0		86.0	Không trúng tuyển	
77	THCS.077	02	Hoàng Thị Thu Hương	17/8/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
78	THCS.078	02	Đỗ Thị Thu Hương	25/10/2000	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		61.0		61.0	Không trúng tuyển	
79	THCS.079	02	Phạm Thị Quỳnh Hương	03/07/1995	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
80	THCS.080	02	Hà Thị Thu Hường	30/10/1997	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	61.0	5.0	66.0	Không trúng tuyển	
81	THCS.081	02	Nguyễn Thị Hường	06/06/1992	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
82	THCS.082	02	Nguyễn Tiến Huy	10/02/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		56.0		56.0	Không trúng tuyển	
83	THCS.083	02	Đinh Thị Huyền	13/10/2002	Môn Ngữ văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	81.0	5.0	86.0	Không trúng tuyển	
84	THCS.084	02	Lê Thị Huyền	12/01/1996	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
85	THCS.085	02	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/4/2002	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		85.5		85.5	Không trúng tuyển	
86	THCS.086	02	Đinh Văn Khiết	17/9/1992	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
87	THCS.087	02	Dương Văn Kiều	11/11/1993	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	71.0	5.0	76.0	Không trúng tuyển	
88	THCS.088	02	Tạ Duy Lâm	07/05/1996	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
89	THCS.089	02	Hà Thị Nhật Lệ	04/01/1993	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	60.0	5.0	65.0	Không trúng tuyển	
90	THCS.090	02	Vũ Hồng Liên	17/8/1990	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		89.5		89.5	Không trúng tuyển	
91	THCS.091	02	Đinh Công Linh	06/05/1996	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	64.0	5.0	69.0	Không trúng tuyển	
92	THCS.092	02	Nguyễn Thị Thúy Linh	16/2/1995	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		71.0		71.0	Không trúng tuyển	
93	THCS.093	02	Hà Văn Lương	07/03/1991	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	61.0	5.0	66.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
94	THCS.094	02	Hà Thị Lưu	02/04/1993	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	90.0	5.0	95.0	Trúng tuyển	
95	THCS.095	03	Đinh Thị Luyến	29/11/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	59.0	5.0	64.0	Không trúng tuyển	
96	THCS.096	03	Đinh Thị Huyền Mi	04/06/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	82.0	5.0	87.0	Trúng tuyển	
97	THCS.097	03	Nguyễn Thị Mùi	20/7/1995	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
98	THCS.098	03	Đỗ Thị Thúy Nga	25/1/1992	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	59.0	5.0	64.0	Không trúng tuyển	
99	THCS.099	03	Trần Quang Ngọc	06/10/2000	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
100	THCS.100	03	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/02/2002	Môn Ngữ văn	UBND huyện Tân Sơn		94.0		94.0	Trúng tuyển	
101	THCS.101	03	Đinh Thị Nguyên	27/08/1994	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	81.0	5.0	86.0	Không trúng tuyển	
102	THCS.102	03	Vũ Thị Nhân	15/11/1995	Môn Vật lý	UBND huyện Tân Sơn		67.0		67.0	Trúng tuyển	
103	THCS.103	03	Đinh Thị Hồng Nhung	20/8/2000	Môn Ngữ văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	80.0	5.0	85.0	Không trúng tuyển	
104	THCS.104	03	Hà Thị Ninh	26/4/1994	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	91.5	5.0	96.5	Trúng tuyển	
105	THCS.105	03	Nguyễn Ngọc Kiều Oanh	10/09/1988	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		54.0		54.0	Không trúng tuyển	
106	THCS.106	03	Trần Thị Minh Phú	06/11/1998	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		84.0		84.0	Không trúng tuyển	
107	THCS.107	03	Hán Văn Quang	15/02/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		58.5		58.5	Không trúng tuyển	
108	THCS.108	03	Nguyễn Thị Tâm	28/9/2000	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	85.5	5.0	90.5	Trúng tuyển	
109	THCS.109	03	Chữ Thị Minh Tâm	02/12/1988	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		91.5		91.5	Trúng tuyển	
110	THCS.110	03	Nguyễn Hồng Thái	28/7/1996	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		63.5		63.5	Không trúng tuyển	
111	THCS.111	03	Hà Thị Thắng	14/5/1989	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	75.0	5.0	80.0	Không trúng tuyển	
112	THCS.112	03	Phùng Đức Thanh	09/09/1990	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	81.0	5.0	86.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
113	THCS.113	03	Cao Thị Hồng Thành	27/6/1994	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
114	THCS.114	03	Nguyễn Phương Thảo	31/12/1998	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		90.0		90.0	Không trúng tuyển	
115	THCS.115	03	Nguyễn Thu Thảo	25/10/2000	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	77.0	5.0	82.0	Không trúng tuyển	
116	THCS.116	03	Đà Thị Thảo	01/01/2000	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	60.0	5.0	65.0	Không trúng tuyển	
117	THCS.117	03	Nguyễn Thị Thu	10/08/1992	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn	DTTS, Con thương binh	66.5	5.0	71.5	Không trúng tuyển	
118	THCS.118	03	Phan Nguyễn Quỳnh Thư	12/07/2001	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		90.0		90.0	Không trúng tuyển	
119	THCS.119	03	Hà Thị Thu Thương	24/9/1990	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	96.0	5.0	101.0	Trúng tuyển	
120	THCS.120	03	Phan Thị Thanh Thúy	26/7/1992	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
121	THCS.121	03	Lương Thị Thúy	21/1/1995	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
122	THCS.122	03	Đinh Hoàng Thu Thủy	20/6/1994	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	95.0	5.0	100.0	Trúng tuyển	
123	THCS.123	03	Đại Thị Lệ Thủy	19/1/1997	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
124	THCS.124	03	Kiều Quang Tồn	04/08/1990	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Trúng tuyển	
125	THCS.125	03	Lê Thị Huyền Trang	23/5/1995	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
126	THCS.126	03	Đinh Thị Linh Trang	10/09/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	75.0	5.0	80.0	Không trúng tuyển	
127	THCS.127	03	Vũ Thị Huyền Trang	11/12/1994	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
128	THCS.128	03	Hoàng Thị Thùy Trang	25/5/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
129	THCS.129	03	Đinh Trung Tự	05/01/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	90.0	5.0	95.0	Trúng tuyển	
130	THCS.130	03	Nguyễn Công Tuấn	20/8/1995	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
131	THCS.131	03	Đinh Thị Hồng Vân	06/12/1991	Môn Địa lý	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	65.0	5.0	70.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
132	THCS.132	03	Lê Thị Hồng Vân	15/11/2001	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Tân Sơn		60.0		60.0	Trúng tuyển	
133	THCS.133	03	Nguyễn Thị Thùy Vân	28/6/1991	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
134	THCS.134	03	Đinh Thị Vân	14/4/1993	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
135	THCS.135	03	Khuất Hải Yến	01/09/1996	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
136	THCS.136	03	Bùi Thị Yến	20/10/1992	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
137	THCS.137	03	Cù Ngọc Hào	25/09/2002	Môn Toán	UBND huyện Hạ Hòa		52.0		52.0	Không trúng tuyển	
138	THCS.138	03	Phạm Thị Thu Hương	07/11/1999	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Hạ Hòa		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
139	THCS.139	03	Nguyễn Thị Huyền	23/2/2001	Môn Toán	UBND huyện Hạ Hòa		80.0		80.0	Trúng tuyển	
140	THCS.140	03	Phạm Thị Tuyết Nhung	20/11/1992	Môn Toán	UBND huyện Hạ Hòa		90.0		90.0	Trúng tuyển	
141	THCS.141	03	Trần Mai Phương	20/11/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Hạ Hòa		70.0		70.0	Trúng tuyển	
142	THCS.142	04	Phùng Thị Thu Thảo	23/11/1995	Môn Địa lý	UBND huyện Hạ Hòa		87.0		87.0	Trúng tuyển	
143	THCS.143	04	Kim Anh Tuấn	26/07/1995	Môn Toán	UBND huyện Hạ Hòa		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
144	THCS.144	04	Lê Thị Hải Yến	20/10/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
145	THCS.145	04	Hà Thị Phượng	30/1/1990	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
146	THCS.146	04	Trần Thị Hạnh	16/1/1991	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
147	THCS.147	04	Hoàng Thị Lan Anh	12/10/2000	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		51.0		51.0	Không trúng tuyển	
148	THCS.148	04	Trần Đức Nguyên	10/09/2000	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
149	THCS.149	04	Nguyễn Thu Huyền	01/08/1998	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
150	THCS.150	04	Nguyễn Thị Phương Loan	06/09/1997	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		90.0		90.0	Trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
151	THCS.151	04	Phan Thị Kim Cúc	12/11/1995	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
152	THCS.152	04	Nguyễn Thị Vân Anh	20/12/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		90.0		90.0	Trúng tuyển	
153	THCS.153	04	Lê Thị Hòa	15/6/1997	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
154	THCS.154	04	Mai Thị Hồng Nhung	12/06/1993	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
155	THCS.155	04	Nguyễn Thùy Linh	10/01/1997	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		80.0		80.0	Trúng tuyển	
156	THCS.156	04	Cao Thùy Dương	25/10/1999	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
157	THCS.157	04	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/10/1999	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
158	THCS.158	04	Nguyễn Vũ Minh	11/04/1999	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
159	THCS.159	04	Đỗ Thị Thu Hà	25/9/1991	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		70.0		70.0	Trúng tuyển	
160	THCS.160	04	Nguyễn Thị Minh Huệ	30/01/1996	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
161	THCS.161	04	Nguyễn Ngọc Khuê	05/11/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Thanh Sơn		85.0		85.0	Trúng tuyển	
162	THCS.162	04	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/4/1993	Môn Tin học	UBND huyện Thanh Sơn		70.0		70.0	Trúng tuyển	
163	THCS.163	04	Hứa Thanh Tùng	19/7/1990	Môn Tin học	UBND huyện Thanh Sơn	Dân tộc thiểu số	65.0	5.0	70.0	Trúng tuyển	
164	THCS.164	04	Trần Hà Châu Anh	11/09/2000	Môn Ngữ Văn	UBND TP Việt Trì					Không trúng tuyển	Vắng
165	THCS.165	04	Bùi Linh Chi	05/07/1996	Môn Lịch sử	UBND TP Việt Trì					Không trúng tuyển	Vắng
166	THCS.166	04	Phạm Thị Linh Chi	08/10/2002	Môn Toán	UBND TP Việt Trì	Dân tộc thiểu số	62.5	5.0	67.5	Không trúng tuyển	
167	THCS.167	04	Lương Thị Chinh	10/08/1988	Môn Lịch sử	UBND TP Việt Trì		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
168	THCS.168	04	Trần Thị Tuyết Chinh	21/4/1996	Môn Toán	UBND TP Việt Trì					Không trúng tuyển	Vắng
169	THCS.169	04	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/10/2002	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		52.0		52.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
170	THCS.170	04	Đinh Thu Giang	27/9/2002	Môn Ngữ Văn	UBND TP Việt Trì		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
171	THCS.171	04	Nguyễn Hương Giang	31/12/2000	Môn Ngữ Văn	UBND TP Việt Trì		90.0		90.0	Trúng tuyển	
172	THCS.172	04	Dương Thị Hải	25/02/1987	Môn Toán	UBND TP Việt Trì					Không trúng tuyển	Vắng
173	THCS.173	04	Hoàng Thị Hương	26/3/1992	Môn Ngữ Văn	UBND TP Việt Trì		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
174	THCS.174	04	Phan Quang Huy	13/6/1997	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		56.5		56.5	Không trúng tuyển	
175	THCS.175	04	Chu Khánh Huy	12/10/2002	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		69.0		69.0	Không trúng tuyển	
176	THCS.176	04	Nguyễn Hoàng Lan	23/9/2002	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		89.0		89.0	Trúng tuyển	
177	THCS.177	04	Nguyễn Thị Thu Lý	01/06/1993	Môn Lịch sử	UBND TP Việt Trì		95.0		95.0	Trúng tuyển	
178	THCS.178	04	Nguyễn Tú Oanh	28/6/1997	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		90.0		90.0	Trúng tuyển	
179	THCS.179	04	Nguyễn Thị Bích Phượng	20/5/1991	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		62.0		62.0	Không trúng tuyển	
180	THCS.180	04	Đặng Thị Thanh	07/09/1994	Môn Lịch sử	UBND TP Việt Trì					Không trúng tuyển	Vắng
181	THCS.181	04	Bùi Phương Thảo	07/08/2000	Môn Ngữ Văn	UBND TP Việt Trì		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
182	THCS.182	04	Hà Thị Diệu Thúy	07/03/2002	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		67.5		67.5	Không trúng tuyển	
183	THCS.183	04	Lê Thị Tính	20/9/1992	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		70.0		70.0	Không trúng tuyển	
184	THCS.184	04	Dương Thị Trang	02/07/1992	Môn Ngữ Văn	UBND TP Việt Trì	Dân tộc thiểu số	80.0	5.0	85.0	Trúng tuyển	
185	THCS.185	04	Dương Thu Trang	02/09/1997	Môn Toán	UBND TP Việt Trì		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
186	THCS.186	04	Nguyễn Thị Kiều Vân	28/10/1995	Môn Địa lý	UBND TP Việt Trì		65.0		65.0	Trúng tuyển	
187	THCS.187	04	Trần Thị Văn	25/9/1992	Môn Địa lý	UBND TP Việt Trì		63.5		63.5	Trúng tuyển	
188	THCS.188	04	Lê Quý Vương	14/5/2001	Môn Lịch sử	UBND TP Việt Trì		60.0		60.0	Trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
189	THCS.189	05	Đỗ Thị Thúy Ái	15/11/1987	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ	Con bệnh binh	83.0	5.0	88.0	Trúng tuyển	
190	THCS.190	05	Đặng Thị Lan Anh	18/9/2001	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ					Không trúng tuyển	Vắng
191	THCS.191	05	Nguyễn Lưu Ánh	09/03/2002	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
192	THCS.192	05	Bùi Tiến Công	24/9/1996	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	83.0	5.0	88.0	Trúng tuyển	
193	THCS.193	05	Cao Võ Đại	27/12/1988	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ		51.0		51.0	Không trúng tuyển	
194	THCS.194	05	Vũ Thị Dung	26/9/1993	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
195	THCS.195	05	Phùng Thị Giang	14/11/1991	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	61.0	5.0	66.0	Không trúng tuyển	
196	THCS.196	05	Bùi Thị Thu Hà	01/06/1982	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
197	THCS.197	05	Không Thị Hà	10/03/1994	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
198	THCS.198	05	Đỗ Thị Hằng	23/10/1990	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		52.0		52.0	Không trúng tuyển	
199	THCS.199	05	Nguyễn Thị Việt Hằng	04/12/1974	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
200	THCS.200	05	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/11/1993	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		41.0		41.0	Không trúng tuyển	
201	THCS.201	05	Nguyễn Thị Hiền	18/9/1989	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	81.0	5.0	86.0	Không trúng tuyển	
202	THCS.202	05	Hà Thanh Hòa	26/11/1986	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	51.0	5.0	56.0	Không trúng tuyển	
203	THCS.203	05	Chữ Thị Hồng	25/1/1992	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		85.0		85.0	Trúng tuyển	
204	THCS.204	05	Lê Phi Hùng	18/11/2002	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ					Không trúng tuyển	Vắng
205	THCS.205	05	Trần Quang Huy	05/05/1997	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ		31.0		31.0	Không trúng tuyển	
206	THCS.206	05	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/02/1993	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		64.5		64.5	Không trúng tuyển	
207	THCS.207	05	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/8/1996	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		52.0		52.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
208	THCS.208	05	Đặng Thị Huyền	08/06/1991	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
209	THCS.209	05	Phan Trung Kiên	02/06/1982	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ		30.0		30.0	Không trúng tuyển	
210	THCS.210	05	Phan Thị Lan	15/9/1994	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
211	THCS.211	05	Nguyễn Thị Thu Loan	24/3/1985	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ		75.0		75.0	Trúng tuyển	
212	THCS.212	05	Lê Thị Mây	02/06/1998	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ					Không trúng tuyển	Vắng
213	THCS.213	05	Nguyễn Thị Nguyệt	22/10/1992	Môn Âm nhạc	UBND thị xã Phú Thọ		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
214	THCS.214	05	Nguyễn Thị Nhất	20/4/1988	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	42.0	5.0	47.0	Không trúng tuyển	
215	THCS.215	05	Ngô Thị Nhung	04/05/1990	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		63.0		63.0	Không trúng tuyển	
216	THCS.216	05	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/1998	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
217	THCS.217	05	Lê Thị Nhung	16/10/1991	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		74.0		74.0	Không trúng tuyển	
218	THCS.218	05	Nguyễn Thị Phượng	01/05/1990	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ		70.0		70.0	Không trúng tuyển	
219	THCS.219	05	Dương Thị Quý	24/02/1993	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	89.0	5.0	94.0	Trúng tuyển	
220	THCS.220	05	Nguyễn Văn Quý	28/10/1988	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ	Con người nhiễm CDHH	75.0	5.0	80.0	Không trúng tuyển	
221	THCS.221	05	Hồ Phương Thảo	29/10/2000	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ					Không trúng tuyển	Vắng
222	THCS.222	05	Lã Thị Thảo	17/12/1988	Môn Mỹ thuật	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
223	THCS.223	05	Nguyễn Thị Thúy	13/2/1991	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
224	THCS.224	05	Trần Thị Huyền Trang	28/5/1987	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
225	THCS.225	05	Đào Quốc Việt	04/05/1986	Môn Lịch sử	UBND thị xã Phú Thọ	Dân tộc thiểu số	30.0	5.0	35.0	Không trúng tuyển	
226	THCS.226	05	Đoàn Thị Hải Yến	28/3/1996	Môn Vật lý	UBND thị xã Phú Thọ		89.0		89.0	Trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
227	THCS.227	05	Triệu Thị Linh Chi	24/2/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Phù Ninh		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
228	THCS.228	05	Đinh Công Đăng	23/7/1994	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
229	THCS.229	05	Tạ Hương Giang	13/12/2000	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Phù Ninh		83.0		83.0	Trúng tuyển	
230	THCS.230	05	Vũ Thị Thu Hiền	03/03/1990	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
231	THCS.231	05	Nguyễn Quang Huy	19/7/1987	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh	HT nghĩa vụ QS	44.0	2.5	46.5	Không trúng tuyển	
232	THCS.232	05	Nguyễn Thị Thanh Huyền	17/6/2002	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh		33.5		33.5	Không trúng tuyển	
233	THCS.233	05	Nguyễn Thanh Liêm	20/12/1993	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh		0.0		0.0	Không trúng tuyển	
234	THCS.234	05	Nguyễn Ngọc Linh	03/03/1998	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh					Không trúng tuyển	Vắng
235	THCS.235	05	Trần Thị Loan	23/10/1996	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Phù Ninh	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
236	THCS.236	06	Cao Thị Nga	10/02/1991	Môn Địa lý	UBND huyện Phù Ninh		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
237	THCS.237	06	Lã Thị Nga	02/04/1989	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Phù Ninh		56.0		56.0	Không trúng tuyển	
238	THCS.238	06	Nguyễn Thị Kim Ngân	04/06/2002	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
239	THCS.239	06	Tổng Thị Ngoan	15/10/1992	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Phù Ninh		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
240	THCS.240	06	Nguyễn Thị Phương	25/09/2002	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Phù Ninh					Không trúng tuyển	Vắng
241	THCS.241	06	Hà Thu Trang	21/10/1999	Môn Địa lý	UBND huyện Phù Ninh		75.0		75.0	Trúng tuyển	
242	THCS.242	06	Đỗ Thị Trang	11/03/1990	Môn Ngữ văn	UBND huyện Phù Ninh		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
243	THCS.243	06	Lương Thùy Trang	26/11/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Phù Ninh		90.0		90.0	Trúng tuyển	
244	THCS.244	06	Tạ Minh Tuấn	26/2/1991	Môn Giáo dục thể chất	UBND huyện Phù Ninh		81.0		81.0	Trúng tuyển	
245	THCS.245	06	Phạm Ngọc Ánh	23/01/2002	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		90.0		90.0	Trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
246	THCS.246	06	Đào Văn Bình	10/01/1992	Môn Vật lý	UBND huyện Đoan Hùng		71.0		71.0	Trúng tuyển	
247	THCS.247	06	Trần Hoàng Anh Đức	09/02/1997	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng					Không trúng tuyển	Vắng
248	THCS.248	06	Đinh Thị Duyên	11/08/1991	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng	Dân tộc thiểu số	65.0	5.0	70.0	Không trúng tuyển	
249	THCS.249	06	Phạm Thị Thanh Hà	14/8/1996	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
250	THCS.250	06	Nguyễn Thị Thanh Hoa	10/02/1995	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
251	THCS.251	06	Phạm Thị Mai Hoa	31/3/2001	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
252	THCS.252	06	Trần Thị Hồng Huế	10/07/1989	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		72.5		72.5	Không trúng tuyển	
253	THCS.253	06	Trần Thị Huyền	01/01/1998	Môn Ngoại ngữ	UBND huyện Đoan Hùng		69.0		69.0	Trúng tuyển	
254	THCS.254	06	Lê Thị Kiều	12/02/1990	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng	Con người nhiễm CDHH	53.0	5.0	58.0	Không trúng tuyển	
255	THCS.255	06	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/01/1990	Môn Địa lý	UBND huyện Đoan Hùng		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
256	THCS.256	06	Đinh Thị Thùy Linh	11/09/1997	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
257	THCS.257	06	Đào Thị Phương Ngân	14/7/1996	Môn Vật lý	UBND huyện Đoan Hùng		86.0		86.0	Trúng tuyển	
258	THCS.258	06	Trương Thị Thảo Nguyên	03/12/1995	Môn Vật lý	UBND huyện Đoan Hùng		65.0		65.0	Trúng tuyển	
259	THCS.259	06	Phan Hồng Nhung	21/12/2001	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng		79.0		79.0	Trúng tuyển	
260	THCS.260	06	Nguyễn Phương Quỳnh	26/03/1997	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		85.0		85.0	Trúng tuyển	
261	THCS.261	06	Nguyễn Trung Sơn	10/07/1997	Môn Ngữ văn	UBND huyện Đoan Hùng		70.0		70.0	Không trúng tuyển	
262	THCS.262	06	Nguyễn Thị Thảo	09/11/1991	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
263	THCS.263	06	Đặng Thu Thảo	25/10/1995	Môn Vật lý	UBND huyện Đoan Hùng		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
264	THCS.264	06	Nguyễn Thị Thúy	23/8/1992	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng		75.0		75.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
265	THCS.265	06	Nguyễn Thùy Trang	24/1/1998	Môn Địa lý	UBND huyện Đoan Hùng		85.0		85.0	Trúng tuyển	
266	THCS.266	06	Nguyễn Thị Thu Trang	26/5/1988	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
267	THCS.267	06	Hoàng Thúy Vân	18/7/1995	Môn Lịch sử	UBND huyện Đoan Hùng		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
268	THCS.268	06	Lương Thị Xuân	26/8/1993	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Đoan Hùng		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
269	THPT.269	06	Nguyễn Hà Vân Anh	07/12/2002	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
270	THPT.270	06	Nguyễn Thị Mai Anh	05/07/2001	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		85.0		85.0	Trúng tuyển	
271	THPT.271	06	Trần Thị Kim Anh	04/09/1993	Môn Ngữ Văn	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
272	THPT.272	06	Nguyễn Kiều Chang	06/01/1989	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		85.0		85.0	Trúng tuyển	
273	THPT.273	06	Nguyễn Khánh Chi	18/10/1989	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		84.0		84.0	Trúng tuyển	
274	THPT.274	06	Lường Thị Chiến	08/11/1992	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
275	THPT.275	06	Đinh Thị Hải Chiêu	10/04/1993	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
276	THPT.276	06	Nguyễn Văn Đại	18/11/1990	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		80.0		80.0	Trúng tuyển	
277	THPT.277	06	Vũ Thị Thùy Dung	20/11/1998	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	80.0	5.0	85.0	Không trúng tuyển	
278	THPT.278	06	Hoàng Hương Giang	21/7/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		90.0		90.0	Trúng tuyển	
279	THPT.279	06	Nguyễn Thanh Hà	19/9/2002	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
280	THPT.280	06	Lê Thị Hà	18/01/1992	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		40.0		40.0	Không trúng tuyển	
281	THPT.281	06	Trần Ngân Hà	09/09/2002	Môn Ngữ Văn	Sở Giáo dục và Đào tạo		75.0		75.0	Không trúng tuyển	
282	THPT.282	06	Lê Thu Hà	12/12/2001	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
283	THPT.283	07	Bùi Thị Thanh Hải	14/2/1990	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		51.0		51.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
284	THPT.284	07	Hà Thị Hồng Hải	14/4/1991	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
285	THPT.285	07	Hoàng Thúy Hải	27/6/1994	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	79.0	5.0	84.0	Trúng tuyển	
286	THPT.286	07	Vũ Thị Hạnh	29/4/2002	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
287	THPT.287	07	Hoàng Thị Minh Hạnh	08/11/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
288	THPT.288	07	Ngô Thị Thu Hiền	07/07/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		54.0		54.0	Không trúng tuyển	
289	THPT.289	07	Nguyễn Mai Hoa	10/09/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		61.0		61.0	Không trúng tuyển	
290	THPT.290	07	Lê Việt Hoàng	20/1/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
291	THPT.291	07	Nguyễn Thị Huế	01/11/1983	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Con thương binh	78.0	5.0	83.0	Không trúng tuyển	
292	THPT.292	07	Nguyễn Thị Mai Hương	30/7/1995	Môn Ngữ Văn	Sở Giáo dục và Đào tạo		66.0		66.0	Không trúng tuyển	
293	THPT.293	07	Phan Thị Thu Hường	12/01/1996	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
294	THPT.294	07	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/3/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
295	THPT.295	07	Trần Thị Hồng Khôi	20/7/1990	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
296	THPT.296	07	Lê Văn Kiên	05/02/2001	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
297	THPT.297	07	Lê Trung Kiên	29/9/1993	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		56.0		56.0	Không trúng tuyển	
298	THPT.298	07	Linh Thị Lai	24/2/1993	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
299	THPT.299	07	Trần Thị Tuyết Lan	05/01/1991	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
300	THPT.300	07	Lê Thị Lan	24/11/1994	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
301	THPT.301	07	Hoàng Diệu Linh	01/11/1999	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		81.0		81.0	Không trúng tuyển	
302	THPT.302	07	Lê Nhật Linh	06/10/1999	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
303	THPT.303	07	Nguyễn Thị Diệp Linh	14/12/1993	Môn Ngữ Văn	Sở Giáo dục và Đào tạo		82.0		82.0	Trúng tuyển	
304	THPT.304	07	Trần Kiều Linh	13/01/2000	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		58.0		58.0	Không trúng tuyển	
305	THPT.305	07	Lê Thị Loan	26/12/1990	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
306	THPT.306	07	Nguyễn Thị Loan	10/03/1986	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
307	THPT.307	07	Đinh Hoàng Long	20/9/2000	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
308	THPT.308	07	Hà Quang Long	06/01/1990	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
309	THPT.309	07	Vũ Thị Lương	14/4/1989	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Con bệnh binh	54.0	5.0	59.0	Không trúng tuyển	
310	THPT.310	07	Lê Thị Lý	08/03/1990	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		65.0		65.0	Không trúng tuyển	
311	THPT.311	07	Đỗ Thị Thúy Mai	21/11/1988	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		51.0		51.0	Không trúng tuyển	
312	THPT.312	07	Trần Hùng Mạnh	27/3/1990	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
313	THPT.313	07	Vi Tuệ Minh	03/10/2000	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		90.0		90.0	Trúng tuyển	
314	THPT.314	07	Phạm Thị My	16/11/1988	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		84.0		84.0	Trúng tuyển	
315	THPT.315	07	Lê Na	26/10/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	60.0	5.0	65.0	Không trúng tuyển	
316	THPT.316	07	Trần Thúy Nga	10/04/2000	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
317	THPT.317	07	Vũ Thị Băng Ngân	31/5/1998	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	75.0	5.0	80.0	Không trúng tuyển	
318	THPT.318	07	Hà Thị Ngọc	05/03/1997	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	70.0	5.0	75.0	Không trúng tuyển	
319	THPT.319	07	Đinh Phan Như Ngọc	21/5/1998	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
320	THPT.320	07	Bùi Thị Nguyệt	02/11/1991	Môn Địa lý	Sở Giáo dục và Đào tạo		85.0		85.0	Trúng tuyển	
321	THPT.321	07	Mai Khắc Nhật	12/09/1998	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		70.0		70.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
322	THPT.322	07	Trần Thị Hồng Nhung	10/04/1996	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
323	THPT.323	07	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/3/2001	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
324	THPT.324	07	Nguyễn Xuân Phong	16/9/1999	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		53.0		53.0	Không trúng tuyển	
325	THPT.325	07	Phan Thị Lan Phương	25/8/1991	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Con thương binh	83.0	5.0	88.0	Trúng tuyển	
326	THPT.326	07	Đinh Thị Mai Phương	16/12/1989	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	85.0	5.0	90.0	Trúng tuyển	
327	THPT.327	07	Bùi Bích Phượng	05/06/1995	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		90.0		90.0	Trúng tuyển	
328	THPT.328	07	Phan Hồng Quân	10/12/2002	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		78.0		78.0	Không trúng tuyển	
329	THPT.329	07	Duy Trọng Tài	15/5/1990	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Con thương binh				Không trúng tuyển	Vắng
330	THPT.330	08	Nguyễn Thị Tâm	06/10/1992	Môn Địa lý	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Trúng tuyển	
331	THPT.331	08	Nguyễn Thị Kim Thanh	10/06/1991	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
332	THPT.332	08	Quách Phú Thành	21/8/2001	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
333	THPT.333	08	Nguyễn Thị Thảo	14/4/1995	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
334	THPT.334	08	Đinh Thị Thu Thiệp	26/04/1993	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	50.0	5.0	55.0	Không trúng tuyển	
335	THPT.335	08	Phạm Văn Thọ	27/6/2001	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		90.0		90.0	Trúng tuyển	
336	THPT.336	08	Nguyễn Hà Thu	21/10/2000	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		56.0		56.0	Không trúng tuyển	
337	THPT.337	08	Nguyễn Diệu Thúy	27/10/2001	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
338	THPT.338	08	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1993	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
339	THPT.339	08	Nguyễn Anh Tiến	07/11/1992	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
340	THPT.340	08	Nguyễn Văn Tổ	28/2/1981	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
341	THPT.341	08	Nguyễn Thị Thu Trang	17/9/1992	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
342	THPT.342	08	Hoàng Linh Trang	17/3/1999	Môn Ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo		95.0		95.0	Trúng tuyển	
343	THPT.343	08	Cao Hiền Trang	23/8/2001	Môn Ngữ Văn	Sở Giáo dục và Đào tạo		81.0		81.0	Trúng tuyển	
344	THPT.344	08	Cù Thị Trang	28/02/2000	Môn Ngữ Văn	Sở Giáo dục và Đào tạo		80.0		80.0	Không trúng tuyển	
345	THPT.345	08	Nguyễn Thị Trang	30/4/1993	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		60.0		60.0	Không trúng tuyển	
346	THPT.346	08	Lê Thị Ngọc Tú	12/07/1999	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
347	THPT.347	08	Lê Thị Tuyền	15/3/1992	Môn Giáo dục công dân	Sở Giáo dục và Đào tạo		51.0		51.0	Không trúng tuyển	
348	THPT.348	08	Ngô Thị Thanh Vân	24/05/1994	Môn toán	Sở Giáo dục và Đào tạo					Không trúng tuyển	Vắng
349	THPT.349	08	Bùi Tiến Vinh	18/6/1991	Môn Toán	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quân nhân xuất ngũ	50.0	2.5	52.5	Không trúng tuyển	
350	THPT.350	08	Hà Thị Yên	28/3/1993	Môn Lịch Sử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân tộc thiểu số	60.0	5.0	65.0	Không trúng tuyển	
351	THPT.351	08	Cù Kim Anh	15/10/2002	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
352	THPT.352	08	Phùng Thị Minh Chi	16/11/1998	Môn Toán	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Trúng tuyển	
353	THPT.353	08	Hoàng Thị Hoài Dung	14/9/1993	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
354	THPT.354	08	Nguyễn Thị Hương Giang	16/12/1991	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn		76.0		76.0	Không trúng tuyển	
355	THPT.355	08	Đinh Trường Giang	04/09/2000	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		59.0		59.0	Không trúng tuyển	
356	THPT.356	08	Nguyễn Thị Ngọc Hà	22/7/2001	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		71.0		71.0	Không trúng tuyển	
357	THPT.357	08	Tăng Thị Hạnh	06/05/1996	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		55.0		55.0	Không trúng tuyển	
358	THPT.358	08	Hà Thị Lương	02/03/1991	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
359	THPT.359	08	Phạm Thị Thúy Ngân	11/11/1994	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		75.0		75.0	Không trúng tuyển	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
360	THPT.360	08	Hà Thị Bích Ngọc	28/11/1995	Môn Lịch Sử	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	86.0	5.0	91.0	Trúng tuyển	
361	THPT.361	08	Đặng Thị Ngọc	17/04/1990	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số				Không trúng tuyển	Vắng
362	THPT.362	08	Sa Ánh Nguyệt	21/6/1992	Môn Lịch Sử	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Không trúng tuyển	
363	THPT.363	08	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/10/1989	Môn Lịch Sử	UBND huyện Tân Sơn		85.0		85.0	Không trúng tuyển	
364	THPT.364	08	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	08/11/1994	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
365	THPT.365	08	Phùng Thị Kiều Oanh	20/4/1995	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn		71.0		71.0	Không trúng tuyển	
366	THPT.366	08	Lê Thị Thanh	20/09/1996	Môn Hóa học	UBND huyện Tân Sơn		84.0		84.0	Trúng tuyển	
367	THPT.367	08	Hoàng Quang Thành	20/10/1989	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn					Không trúng tuyển	Vắng
368	THPT.368	08	Đinh Phương Thảo	04/07/2002	Môn Lịch Sử	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	80.0	5.0	85.0	Không trúng tuyển	
369	THPT.369	08	Đinh Đức Thảo	18/05/1997	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		50.0		50.0	Không trúng tuyển	
370	THPT.370	08	Hà Thị Thơ	10/04/1989	Môn Ngữ Văn	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	74.0	5.0	79.0	Trúng tuyển	
371	THPT.371	08	Nguyễn Thị Thường	20/4/1992	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		77.0		77.0	Trúng tuyển	
372	THPT.372	08	Hà Lệ Thủy	02/02/1993	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn	Dân tộc thiểu số	70.0	5.0	75.0	Không trúng tuyển	
373	THPT.373	08	Đặng Thị Thúy Vượng	17/5/1987	Môn Sinh học	UBND huyện Tân Sơn		76.0		76.0	Không trúng tuyển	
374	THPT.374	08	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/6/1996	Môn Ngữ Văn	UBND thị xã Phú Thọ		88.0		88.0	Trúng tuyển	
375	THPT.375	08	Hán Trung Nam	23/5/1999	Môn Toán	UBND thị xã Phú Thọ		65.0		65.0	Trúng tuyển	
376	THPT.376	08	Bùi Thị Hồng Thúy	23/9/2002	Môn Ngữ Văn	UBND thị xã Phú Thọ		55.0		55.0	Không trúng tuyển	

Ấn định danh sách có 376 người